

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI PHÒNG
KỲ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT
NĂM HỌC 2026-2027

THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG THÍ SINH DỰ TUYỂN
Đến 11h00' ngày 29/4/2026

Ghi chú: - Cột "Đăng ký dự thi" là số học sinh đăng ký nguyện vọng 1 trực tiếp vào trường

- Cột "NV1" là tổng số học sinh đăng ký nguyện vọng 1 bao gồm cả học sinh đăng ký trường chuyên có nguyện vọng về trường.

TT	Thông tin trường THPT		Chỉ tiêu	Đăng ký dự thi	Đăng ký dự tuyển		
	Tên trường	Mã trường			NV1	NV2	Tổng số
1	Trường THPT Nguyễn Thị Duệ	300004004	405	246	250	1249	1499
2	Trường THPT Nguyễn Du	30000701	405	676	720	545	1265
3	THPT Hồng Quang	30000702	540	441	820	24	844
4	THPT Nguyễn Văn Cừ	30000703	720	1106	1157	632	1789
5	THPT Chí Linh	30000707	540	623	646	15	661
6	THPT Phả Lại	30000708	315	360	360	36	396
7	THPT Trần Phú	30000709	360	550	554	814	1368
8	THPT Mạc Đĩnh Chi - Nam Sách	30000710	360	705	708	636	1344
9	THPT Nam Sách	30000711	540	497	550	8	558
10	THPT Nam Sách II	30000712	405	741	748	597	1345
11	THPT Hà Bắc	30000713	405	476	478	211	689
12	THPT Hà Đông	30000714	360	526	527	947	1474
13	Trường THPT Thanh Hà	30000715	540	547	574	23	597
14	THPT Thanh Bình	30000716	450	940	941	1221	2162
15	THPT Nhị Chiểu	30000717	405	619	620	97	717
16	THPT Kinh Môn	30000718	540	716	730	514	1244
17	THPT Phúc Thành	30000719	450	702	708	38	746
18	THPT Đông Gia	30000720	360	523	524	225	749
19	THPT Kim Thành	30000721	540	697	729	737	1466
20	THPT Kim Thành II	30000722	495	829	830	1044	1874
21	THPT Gia Lộc	30000723	585	513	564	151	715
22	Trường THPT Đoàn Thượng	30000724	450	741	742	279	1021
23	Trường THPT Gia Lộc II	30000725	450	974	976	998	1974
24	THPT Tứ Kỳ	30000726	585	687	717	169	886
25	THPT Cầu Xé	30000727	450	638	640	397	1037
26	THPT Hưng Đạo	30000728	450	981	982	922	1904
27	THPT Cẩm Giàng	30000729	540	573	617	380	997
28	THPT Tuệ Tĩnh	30000730	360	549	559	268	827
29	THPT Cẩm Giàng II	30000731	450	1087	1092	949	2041
30	THPT Bình Giang	30000732	405	379	426	42	468
31	THPT Kê Sắt	30000733	360	676	676	814	1490
32	THPT Đường An	30000734	450	841	841	621	1462
33	THPT Thanh Miện	30000735	495	556	561	69	630
34	THPT Thanh Miện II	30000736	360	715	717	430	1147
35	THPT Thanh Miện III	30000737	405	618	619	1504	2123
36	THPT Ninh Giang	30000738	540	710	731	419	1150
37	THPT Quang Trung - Ninh Giang	30000739	405	643	645	435	1080
38	Trường THPT Khúc Thừa Dụ	30000740	360	802	804	1066	1870
39	THPT Kinh Môn II	30000742	495	696	701	1664	2365
40	THPT Bến Tắm	30000743	360	612	613	253	866
41	THPT Chu Văn An	30000755	450	438	440	1865	2305
42	Trường THPT An Dương	31000701	1035	1343	1399	412	1811
43	Trường THPT An Lão	31000702	765	941	952	319	1271
44	Trường THPT Bạch Đằng	31000703	675	724	732	494	1226
45	Trường THPT Cát Bà	31000704	215	236	237	47	284
46	Trường THPT Cát Hải	31000705	151	151	152	143	295
47	Trường THPT Cộng Hiền	31000706	495	507	508	616	1124
48	Trường THPT Đồ Sơn	31000707	450	397	400	94	494
49	Trường THPT Hùng Thắng	31000709	495	615	615	477	1092
50	Trường THPT Kiến An	31000710	585	441	511	18	529
51	Trường THPT Kiến Thụy	31000711	630	609	627	25	652
52	Trường THPT Hồng Bàng	31000712	630	481	514	241	755
53	Trường THPT Lê Hồng Phong	31000713	630	623	672	601	1273

TT	Thông tin trường THPT		Chỉ tiêu	Đăng ký dự thi	Đăng ký dự tuyển		
	Tên trường	Mã trường			NV1	NV2	Tổng số
54	Trường THPT Lê Ích Mộc	31000714	675	822	823	1485	2308
55	Trường THPT Lê Quý Đôn	31000715	675	850	1162	36	1198
56	Trường THPT Lý Thường Kiệt	31000716	720	708	725	136	861
57	Trường THPT Mạc Đĩnh Chi	31000717	630	694	706	1067	1773
58	Trường THPT Ngô Quyền	31000718	765	354	802	8	810
59	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	31000719	540	536	540	53	593
60	THPT Nguyễn Đức Cảnh	31000720	540	664	665	615	1280
61	Trường THPT Nguyễn Trãi	31000721	945	1249	1271	457	1728
62	Trường THPT Phạm Ngũ Lão	31000724	630	793	806	19	825
63	THPT Đông Hoà	31000725	540	521	528	869	1397
64	Trường THPT Quang Trung	31000726	675	887	897	547	1444
65	Trường THPT Thái Phiên	31000727	675	588	963	8	971
66	Trường THPT Tiên Lãng	31000728	585	588	598	55	653
67	Trường THPT Toàn Thắng	31000729	540	511	512	1222	1734
68	Trường THPT Tô Hiệu	31000730	540	602	603	518	1121
69	Trường THPT Trần Hưng Đạo	31000731	585	652	662	832	1494
70	Trường THPT Trần Nguyên Hãn	31000732	765	668	801	29	830
71	Trường THPT Vĩnh Bảo	31000733	630	564	571	41	612
72	Trường THPT Quốc Tuấn	31000734	495	556	557	1091	1648
73	Trường THPT Thụy Hương	31000735	585	960	961	816	1777
74	Trường THPT Hải An	31000736	720	1109	1137	877	2014
75	Trường THCS - THPT Lý Thánh Tôn	31000790	180	241	242	794	1036
76	Trường THPT Phan Đăng Lưu	31000801	405	306	309	478	787
77	Trường THPT Lê Chân	31000802	765	845	872	820	1692
78	Trường THPT Thủy Sơn	31000803	675	622	622	1935	2557
79	Trường THPT Nhữ Văn Lan	31000804	495	564	566	1245	1811
80	Trường THPT Nguyễn Khuyến	31000805	540	550	552	1259	1811